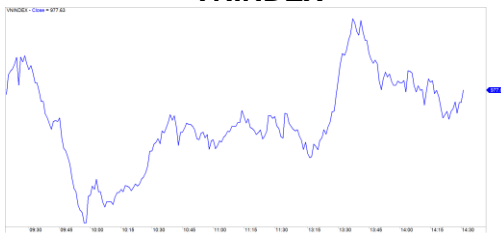


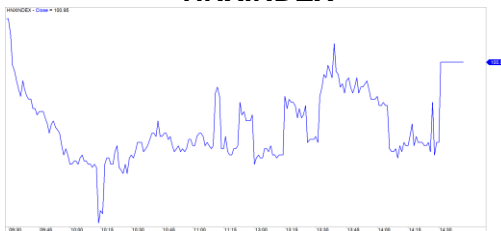
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	977.63	100.95	57.10
% ngày	-0.18%	-0.44%	-0.37%
% tuần	0.04%	-1.34%	-1.50%
% tháng	-1.36%	-2.65%	-2.53%
% năm	0.17%	-9.24%	10.77%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,711	514	488
TB 1 tuần	3,568	375	407
TB 1 tháng	4,253	381	492
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	477.51	2.59	64.65
Bán	511.23	20.33	39.07
Giá trị ròng	-33.72	-17.74	25.57
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	124	46	155
Mã Giảm	174	89	127
Không Đổi	90	233	616
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.50	8.99	19.21
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,315	186	1,011
LS Cổ tức	1.25%	4.55%	4.91%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giằng co trong biên độ hẹp sau phiên giảm tương đối khá liên trước. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm nhẹ 0.18% dừng tại 977.63 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm mạnh hơn khi mất 0.45% chốt tại 100.95 điểm, chỉ số Upcom-Index cũng đồng thuận giảm 0.36% dừng tại 57.1 điểm. Dòng tiền không có nhiều thay đổi khi đạt hơn 3,150 tỷ đồng khớp lệnh trên toàn thị trường.

Thị trường có sự phân hóa với số mã giảm tiếp tục chiếm ưu thế. Tuy nhiên, diễn biến bất ngờ cực nhờ sự tăng giảm đan xen của các cổ phiếu. Cụ thể, VHM(+1.6%), TCB(+1.4%), MSN(+1.4%) là các trụ diễn biến tích cực giúp neo giữ chỉ số. Ở chiều ngược lại, SAB bất ngờ bị bán mạnh cuối phiên giảm 3.3% đóng cửa tại 263,500 đồng/cp. REE(-2.4%), VPB(-2.5%) cũng có mức giảm khá. Lực cầu bắt đáy xuất hiện tại PVT, HDC, LDG, ITC giúp các cổ phiếu kể trên có phiên giao dịch thăng hoa. Nhóm Bất động sản KCN ngoại trừ SZL(-6.9%) thì đang chứng lại đà giảm ở các cổ phiếu còn lại như TIP(-1.8%), D2D(-0.5%), PHR(-2%).

Khối ngoại quay lại bán ròng gần 26 tỷ đồng trên cả ba sàn. HPG, VCB dẫn đầu danh sách bán ròng lần lượt 43 tỷ và 15 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, VNM, VHM được mua ròng tích cực nhất tương ứng 25 tỷ và 19.5 tỷ đồng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại vùng 980 – 990 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục và lực cầu bắt đáy có thể sẽ gia tăng trong vài phiên tới. Tuy nhiên, dòng tiền vẫn suy yếu và tâm lý nhà đầu tư vẫn thận trọng cho nên thị trường có thể sẽ còn giằng co quanh ngưỡng 980 của chỉ số VN-Index. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là cơ cấu giảm tỷ trọng cổ phiếu trong ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 976.64 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự 104.35 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp hồi phục để cơ cấu lại danh mục theo hướng giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 42% cổ phiếu/58% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	108	110	105	101
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.90	GIẢM	GIẢM		16.70			16.85	16.52	-1.95%	BÁN
ACB	22.00	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-3.08%			23.85		
ACV	80.00	GIẢM	GIẢM		84.33			90.00	81.77	-9.15%	
ANV	24.60	GIẢM	GIẢM		25.40				28.27		
ASM	6.15	GIẢM	GIẢM		6.47				6.91		
BFC	15.20	GIẢM	GIẢM		16.00				17.86		
BID	38.60	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	18.22%		33.40	33.64	15.57%	
BMP	49.10	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	1.66%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM		9.78				11.23		
BVH	76.00	GIẢM	GIẢM		78.93			85.40	76.69	-10.19%	BÁN
BWE	26.20	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-3.68%		20.00	25.45	31.00%	
CEO	9.90	GIẢM	GIẢM		10.48				11.33		
CII	20.40	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-3.09%			22.73		
CMG	38.60	TĂNG	TĂNG	40.15	38.51	-3.86%		23.20	34.96	66.38%	
CMX	33.45	TĂNG	TĂNG	30.30	31.00	10.40%		5.91	24.85	465.99%	
CSM	15.00	TĂNG	TĂNG	15.40	14.64	-2.60%		14.39	14.22	4.24%	
CTD	91.80	GIẢM	GIẢM		99.28			112.70	99.66	-11.57%	BÁN
CTG	20.00	GIẢM	GIẢM		20.74				22.52		
CTI	22.55	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	49.00	GIẢM	N/A		64.24			-	N/A		
CVT	20.00	GIẢM	TĂNG		21.19			20.35	18.94	-1.72%	
DCM	8.43	TĂNG	GIẢM	8.47	8.24	-0.47%			8.53		
DGC	27.70	GIẢM	GIẢM		29.20			31.90	27.79	-12.89%	
DGW	24.00	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	2.13%	
DHA	33.20	GIẢM	TĂNG		35.28			29.10	32.95	14.09%	
DHC	30.50	GIẢM	GIẢM		32.69				35.74		
DHG	95.50	GIẢM	GIẢM		95.71				104.89		
DIG	14.15	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	5.20%		13.90	11.60	1.80%	
DPG	42.50	GIẢM	GIẢM		49.44			40.02	44.62	11.51%	
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		13.93				15.49		
DPR	39.20	GIẢM	GIẢM		43.06			42.50	41.14	-3.19%	BÁN
DQC	18.60	TĂNG	GIẢM	19.25	18.34	-3.38%			20.27		
DRC	21.40	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	4.65%		21.60	19.76	-0.93%	
DXG	14.85	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-8.05%		15.50	14.74	-4.19%	MUA
EIB	16.85	GIẢM	GIẢM		17.69			14.70	16.88	14.83%	



We Create Fortune

FCN	12.30	GIẢM	GIẢM		12.63			13.62		
FMC	27.80	GIẢM	TĂNG		30.11			31.60	25.69	-12.03%
FPT	53.20	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	17.70%		46.00	48.54	15.65%
GAS	100.40	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.56%			109.55	
GEX	20.70	TĂNG	TĂNG	22.20	20.08	-6.76%		20.20	18.55	2.48%
GIL	21.50	GIẢM	GIẢM		22.75				25.90	
GMD	28.30	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.59%		28.50	25.99	-0.70%
GTN	18.90	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	0.53%		15.00	16.84	26.00%
GVR	14.50	GIẢM	N/A		15.92				N/A	
HAG	4.83	GIẢM	GIẢM		5.03				5.48	
HAX	19.50	GIẢM	TĂNG		20.63			15.75	17.40	23.81%
HBC	13.55	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-4.91%			15.79	
HCM	21.10	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15	
HDB	25.55	TĂNG	GIẢM	26.30	25.54	-2.85%			27.77	
HDC	21.30	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	17.98	39.67%
HDG	34.50	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-2.27%
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	-0.58%
HPG	21.60	GIẢM	GIẢM		23.02				23.96	
HSG	6.70	GIẢM	GIẢM		7.05				7.74	
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70	
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83	
HVN	35.15	GIẢM	GIẢM		37.57				42.96	
KBC	15.70	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-1.88%		15.35	14.17	2.28%
KDH	23.90	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	4.37%		24.00	21.98	-0.42%
KSB	22.05	GIẢM	TĂNG		24.57			23.90	21.11	-7.74%
LCG	9.60	TĂNG	GIẢM	9.60	9.53	0.00%	MUA		10.67	
LDG	9.43	TĂNG	TĂNG	8.18	8.94	15.28%			9.15	
LHG	17.50	GIẢM	TĂNG		18.89			19.30	17.32	-9.33%
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33	
LSS	5.10	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-5.38%			5.83	
MBB	23.00	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	3.60%		21.85	20.88	5.26%
MPC	27.60	GIẢM	GIẢM		31.01				36.74	
MSN	75.00	GIẢM	GIẢM		77.45				84.26	
MSR	15.90	GIẢM	GIẢM		17.00				19.11	
MWG	117.90	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	32.92%
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		18.52			13.70	16.27	24.82%
NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.53				6.85	
NLG	28.30	GIẢM	GIẢM		29.07			28.70	28.89	0.68%
NT2	25.10	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.00%			26.43	

We Create Fortune

NTL	22.80	GIẢM	GIẢM		25.68			10.45	23.02	120.28%	
NVL	62.30	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.40	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-2.56%			12.38		
PAC	27.50	GIẢM	GIẢM		29.18				33.46		
PC1	18.00	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	3.15%			18.38		
PDR	26.50	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-8.62%	
PHR	62.90	GIẢM	GIẢM		70.98			24.00	65.28	172.01%	
PLX	60.70	GIẢM	TĂNG		62.79			62.40	59.59	-2.72%	
PNJ	82.50	GIẢM	TĂNG		85.74			104.00	78.69	-20.67%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				14.83		
PVT	17.55	GIẢM	TĂNG		18.14			18.30	16.28	-4.10%	
PPC	25.40	GIẢM	GIẢM		26.54				29.10		
PTB	69.50	GIẢM	TĂNG		72.13			64.00	64.57	8.59%	
PVB	20.50	GIẢM	TĂNG		21.49			20.10	19.27	1.99%	
PVD	17.95	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	9.79%		18.10	14.79	-0.83%	
PVI	34.00	GIẢM	GIẢM		36.60				39.70		
PVS	20.70	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-4.17%			23.52		
PXS	5.19	GIẢM	GIẢM		5.69			4.85	5.35	10.37%	BÁN
QNS	30.70	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-1.60%		33.80	27.77	-9.17%	
REE	36.00	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	5.88%		33.33	33.81	8.03%	
SAB	263.50	GIẢM	TĂNG		280.51			245.00	259.03	7.55%	
SAM	7.80	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.41%	
SCR	6.69	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-3.32%			7.11		
SHI	9.20	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	9.65%		6.99	7.62	31.62%	
SJS	17.30	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-5.72%		-	19.89		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
SSI	21.40	GIẢM	GIẢM		22.27				24.29		
STB	10.15	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-5.14%			11.20		
TCB	21.70	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	4.08%			22.22		
TCM	22.20	GIẢM	GIẢM		24.51				27.83		
TDH	10.20	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	8.51%		10.15	10.07	0.49%	MUA
TLH	4.70	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-1.05%			5.13		
TNG	17.80	GIẢM	GIẢM		19.29				21.22		
VCB	77.30	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-3.38%		62.00	73.39	24.68%	
VCG	25.90	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-4.07%		19.20	24.08	34.90%	
VCS	82.10	GIẢM	TĂNG	81.10	85.20	5.06%	BÁN	68.00	76.91	20.74%	
VGC	18.95	TĂNG	GIẢM	19.25	18.30	-1.56%			20.53		
VGT	8.80	GIẢM	GIẢM		9.17				10.12		
VHC	80.00	GIẢM	GIẢM		80.54				92.24		

We Create Fortune

VHM	89.00	TĂNG	TĂNG	87.30	84.14	1.95%		90.20	76.55	-1.33%	
VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	3.53%		17.70	16.40	-0.56%	
VIC	122.40	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.93%		112.00	113.76	9.29%	
VIP	5.07	GIẢM	GIẢM		5.17				5.48		
VJC	130.40	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-3.05%		124.50	124.10	4.74%	
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.47				16.01		
VNG	20.65	TĂNG	TĂNG	19.10	19.96	8.12%		20.20	17.38	2.23%	
VNM	123.80	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	-0.16%			130.37		
VPB	19.80	TĂNG	GIẢM	19.10	19.63	3.66%		20.30	19.82	-2.38%	MUA
VPI	41.60	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.42%		41.30	39.15	0.73%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	1.31%			16.26		
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		35.67			35.00	33.61	-2.86%	
VSC	29.60	TĂNG	GIẢM	28.60	28.01	3.50%			31.41		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.00	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-3.08%			23.85		
BID	38.60	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	18.22%		33.40	33.64	15.57%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM		9.78				11.23		
BVH	76.00	GIẢM	GIẢM		78.93			85.40	76.69	-10.19%	BÁN
CTG	20.00	GIẢM	GIẢM		20.74				22.52		
EIB	16.85	GIẢM	GIẢM		17.69			14.70	16.88	14.83%	
FPT	53.20	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	17.70%		41.00	48.54	29.77%	
GAS	100.40	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.56%			109.55		
HDB	25.55	TĂNG	GIẢM	26.30	25.54	-2.85%			27.77		
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	-0.58%	
HPG	21.60	GIẢM	GIẢM		23.02				23.96		
HVN	35.15	GIẢM	GIẢM		37.57				42.96		
KDH	23.90	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	4.37%		24.00	21.98	-0.42%	
MBB	23.00	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	3.60%		21.27	20.88	8.13%	
MSN	75.00	GIẢM	GIẢM		77.45				84.26		
MWG	117.90	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	32.92%	
NVL	62.30	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.40	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-2.56%			12.38		
PLX	60.70	GIẢM	TĂNG		62.79			59.97	59.59	1.22%	
PNJ	82.50	GIẢM	TĂNG		85.74			77.88	78.69	5.93%	

We Create Fortune

POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				14.83		
PVS	20.70	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-4.17%			23.52		
QNS	30.70	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-1.60%		33.80	27.77	-9.17%	
REE	36.00	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	5.88%		33.33	33.81	8.03%	
ROS	26.30	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-4.36%			29.25		
SSI	21.40	GIẢM	GIẢM		22.27				24.29		
STB	10.15	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-5.14%			11.20		
TCB	21.70	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	4.08%			22.22		
TPB	22.70	TĂNG	GIẢM	23.00	22.58	-1.30%			N/A		
VCB	77.30	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-3.38%		62.00	73.39	24.68%	
VCG	25.90	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-4.07%		18.44	24.08	40.45%	
VEA	51.30	GIẢM	GIẢM	54.50	51.57	-5.38%	BÁN		N/A		
VGI	33.60	GIẢM	GIẢM	29.50	34.18	15.86%	BÁN		N/A		
VHM	89.00	TĂNG	TĂNG	87.30	84.14	1.95%		90.20	76.55	-1.33%	
VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	3.53%		17.70	16.40	-0.56%	
VIC	122.40	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.93%		112.00	113.76	9.29%	
VJC	130.40	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-3.05%		124.50	124.10	4.74%	
VNM	123.80	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	-0.16%			130.37		
VPB	19.80	TĂNG	GIẢM	19.10	19.63	3.66%		20.30	19.82	-2.38%	MUA
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		35.67			34.00	33.61	0.01%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.90	GIẢM	GIẢM		16.70			16.85	16.52	-1.95%	BÁN
ANV	24.60	GIẢM	GIẢM		25.40				28.27		
ASM	6.15	GIẢM	GIẢM		6.47				6.91		
BMP	49.10	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	1.66%	
BWE	26.20	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-3.68%		19.44	25.45	34.77%	
C4G	7.70	GIẢM	GIẢM		8.26				9.61		
CEO	9.90	GIẢM	GIẢM		10.48				11.33		
CII	20.40	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-3.09%			22.73		
CRE	24.95	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-1.77%			26.06		
CTI	22.55	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	49.00	GIẢM	#N/A		64.24			-	#N/A		
DCM	8.43	TĂNG	GIẢM	8.47	8.24	-0.47%			8.53		
DHC	30.50	GIẢM	GIẢM		32.69				35.74		

We Create Fortune

DIG	14.15	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	5.20%		13.90	11.60	1.80%	
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		13.93				15.49		
DRC	21.40	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	4.65%		21.60	19.76	-0.93%	
DXG	14.85	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-8.05%		15.50	14.74	-4.19%	MUA
E1VFN30	14.75	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	0.89%			15.16		
FCN	12.30	GIẢM	GIẢM		12.63				13.62		
FLC	3.67	GIẢM	GIẢM		3.92				4.34		
FTM	8.75	GIẢM	GIẢM		11.31				20.36		
GEG	27.10	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	18.86%		12.90	23.98	110.08%	
GEX	20.70	TĂNG	TĂNG	22.20	20.08	-6.76%		20.20	18.55	2.48%	
GMD	28.30	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.59%		28.50	25.99	-0.70%	
GTN	18.90	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	0.53%		15.00	16.84	26.00%	
GVR	14.50	GIẢM	#N/A		15.92			-	#N/A		
HAG	4.83	GIẢM	GIẢM		5.03				5.48		
HBC	13.55	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-4.91%			15.79		
HCM	21.10	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDG	34.50	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-2.27%	
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.75%		-	#N/A		
HSG	6.70	GIẢM	GIẢM		7.05				7.74		
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
IBC	20.50	GIẢM	TĂNG		20.84			24.90	20.15	-17.67%	
IDI	6.18	GIẢM	GIẢM		6.50				7.19		
IJC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.87			13.10	12.96	11.07%	
ITA	3.22	GIẢM	TĂNG		3.51			3.20	2.96	0.63%	
KBC	15.70	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-1.88%		15.35	14.17	2.28%	
KSB	22.05	GIẢM	TĂNG		24.57			23.90	21.11	-7.74%	
LDG	9.43	TĂNG	TĂNG	8.18	8.94	15.28%			9.15		
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33		
MBS	15.20	GIẢM	TĂNG		15.98			16.00	14.25	-5.00%	
MPC	27.60	GIẢM	GIẢM		31.01				36.74		
NBB	19.90	GIẢM	TĂNG		21.06			21.50	19.30	-7.44%	
NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.53				6.85		
NLG	28.30	GIẢM	GIẢM		29.07			28.70	28.89	0.68%	
NT2	25.10	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.00%			26.43		
NTC	164.90	GIẢM	TĂNG		188.93			120.00	162.94	37.42%	
NTL	22.80	GIẢM	GIẢM		25.68			9.33	23.02	146.69%	
NVB	7.20	GIẢM	GIẢM		7.53				8.41		
OGC	3.85	GIẢM	GIẢM		4.06				4.54		

We Create Fortune

PC1	18.00	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	3.15%		18.38		
PDR	26.50	GIẢM	TĂNG		26.78		23.60	25.01	12.31%	
PHR	62.90	GIẢM	GIẢM		70.98		22.86	65.28	185.52%	
PPC	25.40	GIẢM	GIẢM		26.54			29.10		
PTB	69.50	GIẢM	TĂNG		72.13		60.78	64.57	14.35%	
PVD	17.95	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	9.79%	18.10	14.79	-0.83%	
PVI	34.00	GIẢM	GIẢM		36.60			39.70		
PVT	17.55	GIẢM	TĂNG		18.14		18.30	16.28	-4.10%	
QCG	4.62	GIẢM	GIẢM		4.92			5.28		
SAM	7.80	GIẢM	TĂNG		7.95		7.40	7.69	5.41%	
SBT	16.65	TĂNG	GIẢM	16.50	15.76	0.91%		17.18		
SCR	6.69	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-3.32%		7.11		
SHB	6.30	GIẢM	GIẢM		6.45			6.86		
SHS	7.40	GIẢM	GIẢM		8.22			9.43		
SJS	17.30	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-5.72%		19.89		
STK	21.40	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-3.17%		24.36		
SZC	20.30	GIẢM	#N/A		22.90		-	#N/A		
TCH	22.60	TĂNG	TĂNG	22.05	21.73	2.49%	22.50	20.12	0.44%	
TCM	22.20	GIẢM	GIẢM		24.51			27.83		
TNG	17.80	GIẢM	GIẢM		19.29			21.22		
TTB	24.15	GIẢM	TĂNG	22.60	24.18	7.00%	BÁN	24.50	22.70	-1.43%
VCI	32.00	GIẢM	TĂNG		34.47		36.00	30.78	-11.11%	
VGT	8.80	GIẢM	GIẢM		9.17			10.12		
VHC	80.00	GIẢM	GIẢM		80.54			92.24		
VND	13.80	GIẢM	GIẢM		14.47			16.01		
VNG	20.65	TĂNG	TĂNG	19.10	19.96	8.12%	20.20	17.38	2.23%	
VPI	41.60	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.42%	41.30	39.15	0.73%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.60	GIẢM	#N/A		11.33			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.93	GIẢM	TĂNG		5.27			3.99	4.04	23.56%	
AMD	1.55	TĂNG	GIẢM	1.66	1.55	-6.63%			1.89		
APG	8.89	GIẢM	TĂNG		9.29			9.90	7.90	-10.20%	
ART	1.90	GIẢM	GIẢM		2.31				2.65		
BCC	7.70	TĂNG	GIẢM	8.10	7.46	-4.94%			8.95		

We Create Fortune

BCG	8.31	TĂNG	TĂNG	5.82	7.25	42.78%		6.39	5.94	30.05%	
C69	20.10	TĂNG	TĂNG	18.30	15.41	9.84%		5.30	16.85	279.25%	
CCL	9.05	TĂNG	TĂNG	6.38	8.50	41.85%		3.46	6.83	161.56%	
CRC	17.60	GIẢM	TĂNG		18.11			18.90	15.04	-6.88%	
CVT	20.00	GIẢM	TĂNG		21.19			20.35	18.94	-1.72%	
DAG	6.92	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	5.65%		7.09	6.22	-2.40%	
DAH	10.10	GIẢM	GIẢM		11.54			4.66	11.33	142.82%	BÁN
DGW	24.00	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	2.13%	
DLG	1.59	TĂNG	GIẢM	1.61	1.53	-1.24%			1.65		
DRH	7.26	GIẢM	GIẢM		8.06				7.76		
DTD	16.00	GIẢM	TĂNG	15.90	16.08	1.16%	BÁN	12.90	13.45	24.03%	
EVG	2.63	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.07%			3.02		
FIT	3.44	GIẢM	TĂNG		3.60			3.64	3.03	-5.49%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	15.70	TĂNG	TĂNG	12.80	14.65	22.66%		13.00	13.48	20.77%	
HAI	1.62	GIẢM	GIẢM		1.74				1.93		
HAP	3.40	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-7.36%	
HAR	3.72	TĂNG	GIẢM	3.56	3.44	4.49%			3.88		
HCD	3.45	GIẢM	GIẢM		3.71				4.20		
HDA	10.60	GIẢM	GIẢM		11.46			11.30	11.25	-0.44%	BÁN
HDC	21.30	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	17.98	39.67%	
HHP	11.40	GIẢM	GIẢM		12.11				13.79		
HHS	2.94	GIẢM	GIẢM		3.08				3.37		
HII	11.40	TĂNG	GIẢM	11.45	11.33	-0.44%			12.29		
HQC	1.35	GIẢM	GIẢM		1.38				1.45		
HSL	9.10	TĂNG	GIẢM	8.10	8.61	12.35%			9.33		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVG	2.78	GIẢM	GIẢM		3.28				3.75		
HVH	21.20	GIẢM	#N/A		22.64				#N/A		
JVC	3.03	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	9.78%		3.10	2.41	-2.26%	
KLF	1.10	GIẢM	GIẢM		1.37				1.50		
KMR	2.60	GIẢM	GIẢM		2.78			3.68	2.65	-28.01%	BÁN
LCG	9.60	TĂNG	GIẢM	9.60	9.53	0.00%	MUA		10.67		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG	10.60	10.18	-3.94%	BÁN	7.11	8.90	41.99%	
LHG	17.50	GIẢM	TĂNG		18.89			19.30	17.32	-9.33%	
LMH	17.30	GIẢM	#N/A		17.31			-	#N/A		
MST	3.00	TĂNG	GIẢM	2.80	2.59	7.14%			3.16		
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		18.52			13.10	16.27	30.49%	
PHC	12.35	GIẢM	GIẢM		12.70				13.57		

We Create Fortune

PVB	20.50	GIẢM	TĂNG		21.49			20.10	19.27	1.99%	
PVC	7.10	GIẢM	TĂNG		7.63			7.10	6.67	0.00%	
PXL	5.80	TĂNG	GIẢM	5.70	5.67	1.75%			6.65		
PXS	5.19	GIẢM	GIẢM		5.69			4.85	5.35	10.37%	BÁN
QBS	2.90	GIẢM	GIẢM		3.23				3.36		
SFG	8.15	GIẢM	GIẢM		8.74				11.36		
SHI	9.20	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	9.65%		6.23	7.62	47.61%	
SJF	2.69	GIẢM	GIẢM		2.90				3.81		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
TDH	10.20	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	8.51%		10.15	10.07	0.49%	MUA
TIG	3.30	TĂNG	TĂNG	3.40	3.02	-2.94%		3.20	3.03	3.12%	
TLD	5.98	TĂNG	TĂNG	5.35	5.63	11.78%		5.99	5.92	-0.17%	MUA
TLH	4.70	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	0.00%			5.13		
TNI	10.20	GIẢM	GIẢM		10.58				11.74		
TTF	3.00	TĂNG	GIẢM	3.15	3.00	-4.76%			3.62		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.19				3.39		
TVB	16.10	GIẢM	GIẢM		17.44			20.10	21.41	6.49%	BÁN
TVC	16.10	GIẢM	TĂNG		17.08			14.30	14.26	12.59%	
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.08			22.00	21.35	3.18%	
VCR	22.90	TĂNG	GIẢM	20.50	21.62	11.71%			25.98		
VNE	3.28	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	-2.09%			3.70		
VPG	21.40	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	0.00%		20.46	19.34	4.62%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	0.65%			16.26		
YBM	9.75	GIẢM	GIẢM		10.25				12.01		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	977.63	-0.18%
VN30	887.12	-0.21%
VN Mid	958.59	-0.06%
VN Small	811.84	-0.19%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	100.95	-0.44%
HN30	184.13	-0.52%
VNX AllSh	862.22	-0.13%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.1	-0.37%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	477.51	
Bán	511.23	
GT ròng	-33.72	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.59	
Bán	20.33	
GT ròng	-17.74	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	64.65	
Bán	39.07	
GT ròng	25.57	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	3700	6.85%
ITC	1100	6.75%
BCG	510	6.54%
TVB	900	5.92%
ACL	1700	5.03%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	100	4.55%
SHB	100	1.61%
PVS	200	0.98%
PVI	300	0.89%
AMV	100	0.55%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	1500	6.07%
LPB	100	1.32%
QNS	100	0.33%
BCM	100	0.31%
IDC	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SZL	-3900	-6.93%
MSH	-3000	-5.22%
FRT	-2200	-5.21%
SHI	-470	-4.86%
SJS	-800	-4.42%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-6300	-10.00%
VCS	-5400	-6.17%
TVC	-500	-3.01%
SHS	-200	-2.63%
TNG	-200	-1.11%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTR	-7600	-13.43%
SGP	-800	-6.20%
KDF	-2000	-5.73%
NTC	-7900	-4.57%
NTC	-7900	-4.57%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	409,542	
VHM	298,107	
VCB	286,696	
VNM	215,583	
GAS	192,161	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,669	
VCS	12,873	
VCG	11,440	
PVS	9,894	
PVI	7,858	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	173,307	
VGI	100,662	
VEA	68,019	
GVR	55,804	
MCH	51,698	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	11,325,240	19,724,300
VPB	10,642,096	3,651,128
VHM	6,882,730	2,326,442
HPG	6,396,960	6,072,288
EIB	4,825,990	3,167,724

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVI	3,993,686	843,936
CEO	3,214,020	884,422
DNP	2,519,000	137,996
SHB	2,036,434	3,560,992
PVS	1,826,409	2,737,949

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SBS	4,904,110	282,909
GVR	1,691,487	1,572,191
PXL	1,443,790	615,330
VGI	1,140,830	912,971
SIP	857,685	742,292

Nguồn: Bloomberg & YSVN

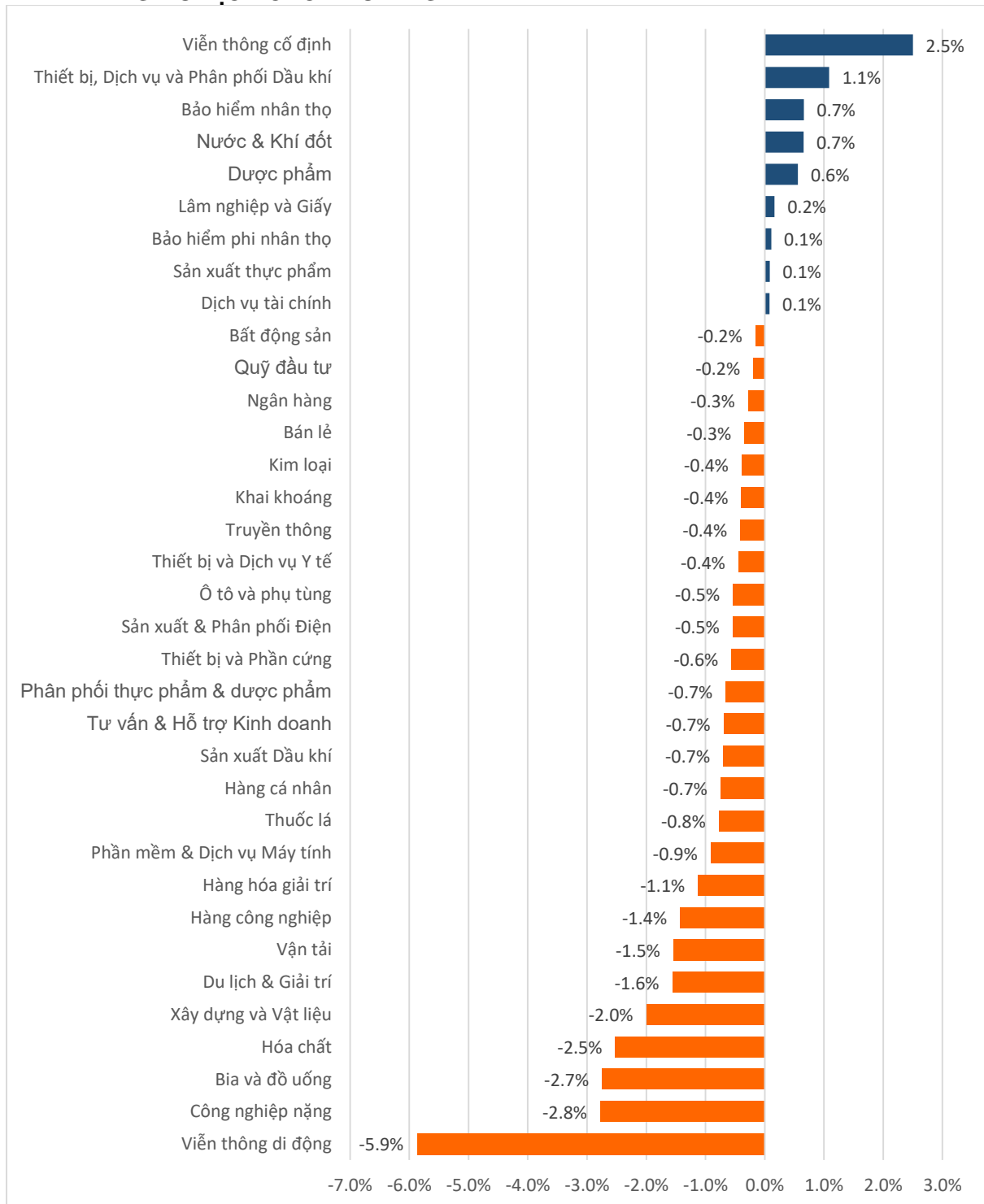
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



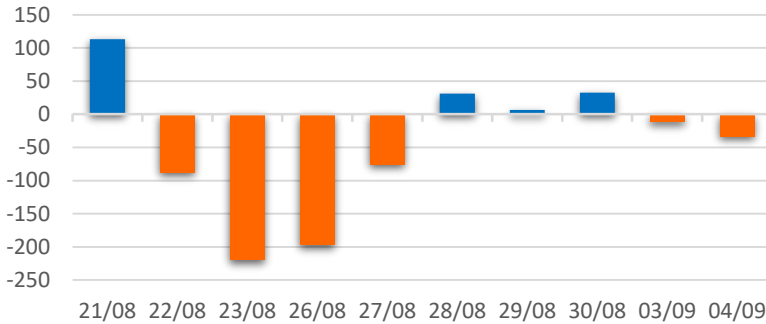
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

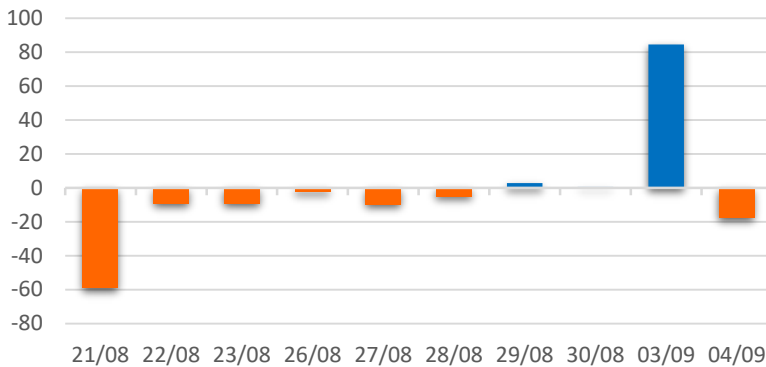
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	25,165	HPG	42,728
VHM	19,504	VCB	15,205
NVL	7,508	VRE	11,487
GAS	6,621	STB	9,061
TNA	5,880	VIC	8,650

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

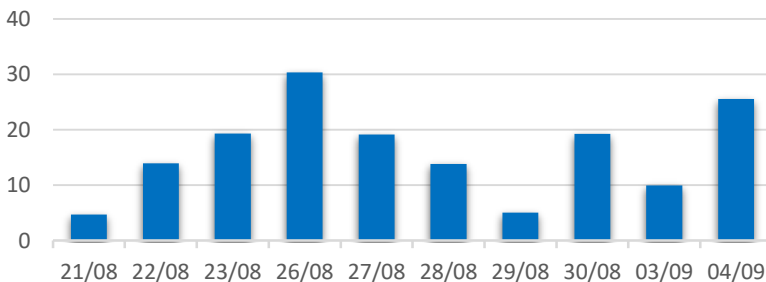
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HUT	1,426	PVS	6,315
BVS	55	CEO	5,328
PHP	35	NDN	3,578
L14	23	SHS	2,317
DHT	20	DTD	852

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	18,770	VTP	1,080
ACV	4,102	OIL	561
BCM	1,972	MPC	185
VEA	1,439	BSP	184
VGI	479	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

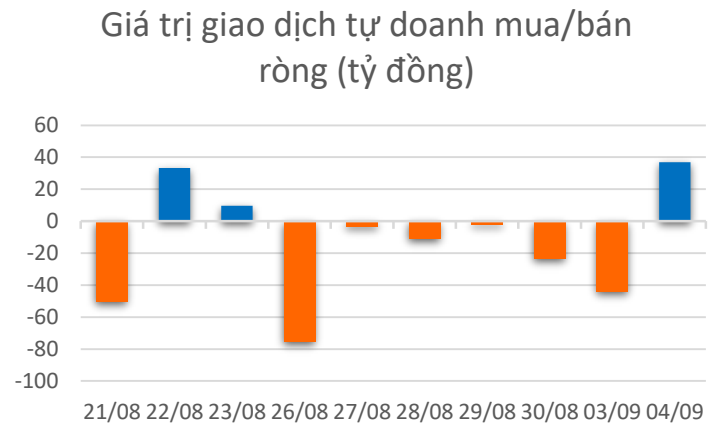


We Create **Fortune**

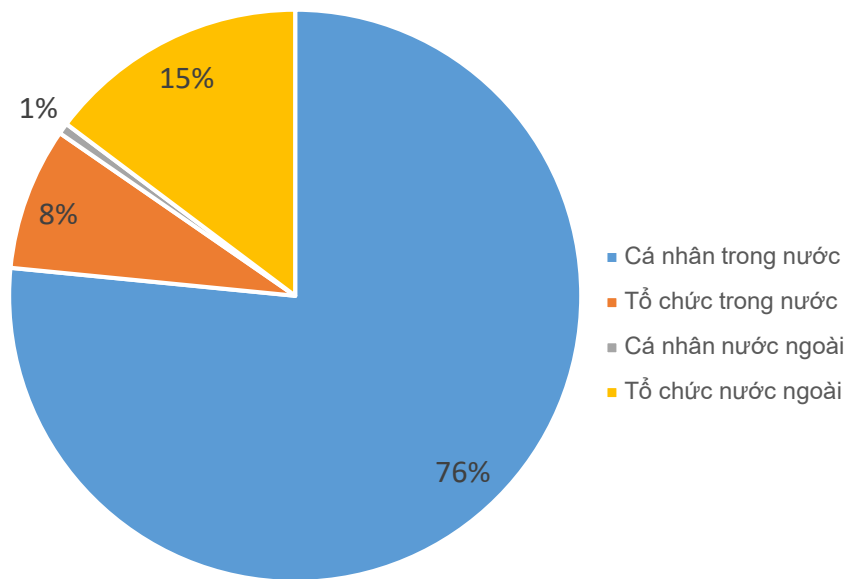
## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	12,248	FPT	20,196
MWG	10,325	E1VFN30	13,280
E1VFN30	9,564	HPG	6,494
VIC	8,062	MWG	6,389
VHM	7,852	DXG	1,767

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

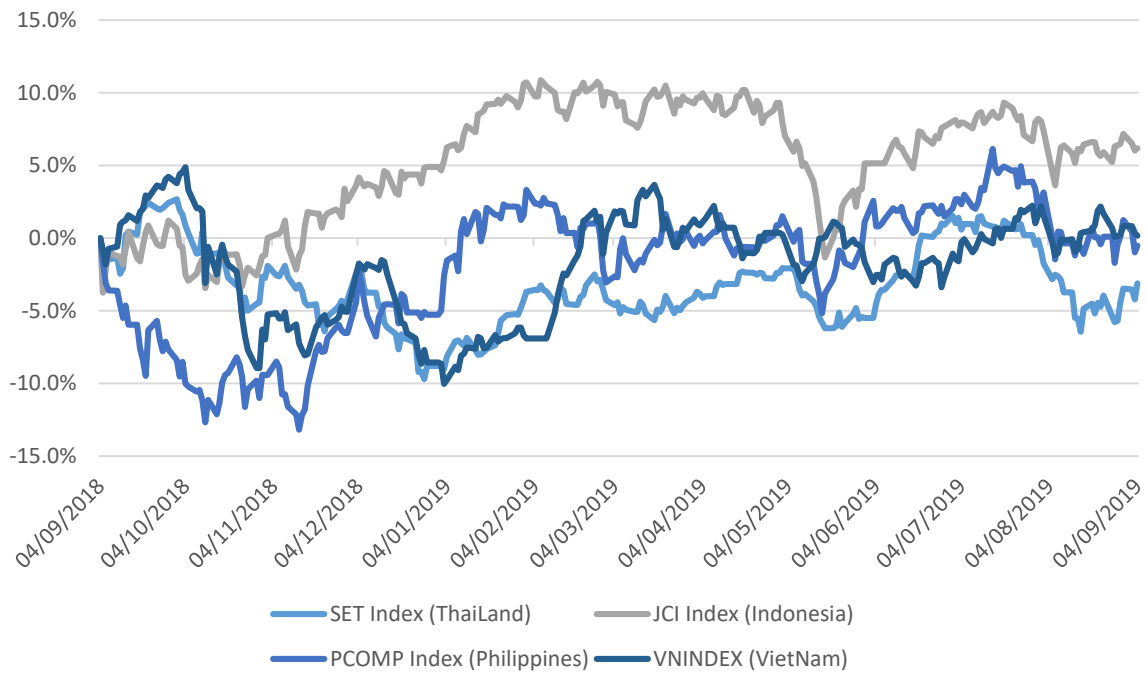


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

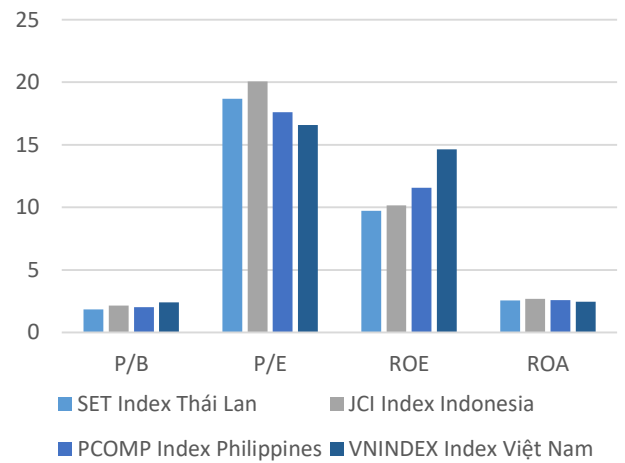
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.7x	20.0x	17.6x	16.6x
ROE	%	9.73	10.16	11.55	14.62
ROA	%	2.56	2.68	2.59	2.44
Vốn hóa	Tỷ USD	550.51	508.96	188.51	142.73
GTGD	Triệu USD	1.70	0.49	0.07	0.11
LS cổ tức	%	3.07	2.46	1.66	1.84

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written